

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THẠCH THÀNH  
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 73/2024/HS-ST  
Ngày: 25 tháng 9 năm 2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH, TỈNH THANH HOÁ  
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đặng Văn Thuận, Bà Ngô Thị Ân.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên tòa: Lê Thị Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 25/9/2024, tại trụ sở TAND huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 61/2024/TLST-HS, ngày 29/8/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2024/QĐXXST-HS, ngày 11/9/2024; đối với bị cáo:

**Đinh Văn V**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam.

Sinh ngày: 15/3/1986, tại xã V, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Nơi cư trú: thôn D, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ văn hóa: 09/12. Con bà: **Đinh Thị H** - Sinh năm 1958; Bố không xác định; Vợ: **Đinh Thị Hoa L** - sinh 1985; Bị cáo có 02 con; lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2015.

Tiền sự: Không; Tiền án: Không.

Bị cáo bị khởi tố và áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 06/8/2024 cho đến nay. Hiện chấp hành Lệnh Cấm đi khỏi nơi cư trú của Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành.

Có mặt tại phiên tòa.

\* Bị hại: Anh **Bùi Văn T**, sinh năm: 1992

Địa chỉ: Khu phố B T, thị trấn K, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt tại phiên tòa.

\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh **Lê Duy T1**, sinh năm: 1990

Địa chỉ: Khu phố B T, thị trấn K, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt tại phiên tòa.

2. Anh **Lê Duy T2**, sinh năm: 1987

Địa chỉ: **Khu phố A T, thị trấn K, huyện T, tỉnh Thanh Hóa**. Vắng mặt tại phiên tòa.

\* *Bị đơn dân sự*: Anh **Vũ Tiến D**, sinh năm: 1988

Địa chỉ: **Phố B, phường N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình**. Vắng mặt tại phiên tòa.

### NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

**Đinh Văn V**, sinh năm 1986, trú tại **thôn D, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Bình**, có giấy phép lái xe hạng FC do Sở giao thông vận tải tỉnh Ninh Bình cấp ngày 22/11/2019, hiện là lái xe thuê cho **Vũ Tiến D**, sinh năm 1988, trú tại **phố B, phường N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình**. Vào khoảng 05 giờ 45 phút ngày 08/4/2024, theo sự phân công của anh **D**, **Đinh Văn V** điều khiển xe ô tô đầu kéo biển số 35C – 112.45 kéo theo sơ mi rơ mooc biển số 35R – 012.46 từ nhà **V** tại **thôn D, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Bình** đi lên **E, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa** để chở cát. Khi đi đến **K + 500 Quốc lộ D thuộc khu phố A, thị trấn V, huyện T, Thanh Hóa** do không đi đúng phần đường quy định, không giảm tốc độ để có thể dừng lại một cách an toàn trong các trường hợp phải giảm tốc độ, dẫn đến va chạm với xe ô tô biển số 36C – 321.37 do anh **Bùi Văn T**, sinh năm 1992, trú tại **khu phố B, T, thị trấn K, huyện T, Thanh Hóa** điều khiển, trên xe có anh **Lê Duy T1**, sinh năm 1990, trú tại **khu phố B, T, thị trấn K, huyện T, Thanh Hóa** ngồi ghế phụ, lưu thông theo hướng ngược lại. Hậu quả anh **Bùi Văn T** bị thương phải đi điều trị tại các cơ sở y tế, anh **Lê Duy T1** bị thương nhẹ không đi điều trị tại cơ sở y tế nào, xe ô tô đầu kéo biển số 35C - 112.45 kéo theo sơ mi rơ mooc biển số 35R - 012.46 bị hư hỏng nhẹ, xe ô tô biển số 36C - 321.37 bị hư hỏng nặng .

Sau khi tiếp nhận thông tin về vụ việc, các cơ quan chức năng đã phối hợp khám nghiệm hiện trường, phương tiện, tiến hành các hoạt động điều tra, xác minh vụ việc theo quy định, cụ thể như sau:

\* Khám nghiệm hiện trường:

Hiện trường nơi xảy ra vụ tai nạn giao thông là đoạn đường có nhiều đoạn ngoặt nguy hiểm liên tiếp, trong đó trung tâm hiện trường là đoạn đường cong từ phải sang trái theo hướng **thị trấn K, huyện T, Thanh Hóa đi huyện N, tỉnh Ninh Bình**, mặt đường rải nhựa phẳng, dốc lên 10 độ, nghiêng từ phải sang trái 3 độ theo hướng trên. Độ rộng của lòng đường theo hướng này ở ba phần lần lượt là: phần đầu (vị trí xe ô tô đầu kéo, rơ mooc) 670cm, phần trung tâm (vị trí vết dầu) 790cm, phần cuối (vị trí xe ô tô tải) 800cm. Bên phải trung tâm hiện trường theo hướng này là bờ đất rộng 220cm, mương nước sâu 50cm, độ rộng đáy 54cm, độ rộng miệng 120cm

và đường hướng vào khu dân cư. Lề bên phải, bên trái lần lượt rộng 55cm và 50cm, phần giữa đường là vạch kẻ đứt đoạn kích thước (200x15)cm, cách đều nhau 400cm sơn màu vàng. Từ hai hướng đến vị trí trung tâm hiện trường, cách 200m đều cắm biển báo hiệu nguy hiểm “cách 200m nhiều chỗ ngoặt nguy hiểm liên tiếp” từ hướng **thị trấn K** đến trung tâm hiện trường cách 300m là biển báo nguy hiểm “Dốc lên nguy hiểm 10 độ”. Từ hai phía đến trung tâm hiện trường, hai bên là sườn núi, nhiều cây cối, tầm nhìn bị hạn chế. Chọn hướng từ **thị trấn K, huyện T, Thanh Hóa đi huyện N, tỉnh Ninh Bình** làm hướng chuẩn, lấy mép đường bên phải theo hướng chuẩn làm mép chuẩn ký hiệu (A). Chọn cột mốc số H5/8 nằm bên trái hiện trường theo hướng chuẩn làm mốc cố định ký hiệu (B), đơn vị đo centimet (cm). Tiến hành đặt số và ghi nhận các vị trí, dấu vết trên hiện trường, như sau:

- Vị trí số 01 là xe ô tô tải biển số 36C - 321.37 đang ở tư thế nghiêng về bên phải, hai bánh trước, sau bên trái nằm trên lề đất, hai bánh trước, sau bên phải nằm dưới mương nước. Đầu xe hướng theo hướng chuẩn. **T3** bánh trước bên trái nằm trên (A), cách (B) 1535cm, tâm bánh sau ngoài cùng bên trái nằm trên lề đất, cách (A) 8cm. Hiện tại xe ô tô hư hỏng, biến dạng phần bên trái cabin, thùng xe.

- Vị trí số 02 là vết hằn lốp trên lề đường bên phải, vết kéo dài liên tục, kích thước (1145x18)cm, có chiều theo hướng chuẩn, điểm đầu vết nằm trên (A), điểm cuối vết trùng với điểm tiếp xúc của bánh trước bên trái xe ô tô số (1) với mặt đường.

- Vị trí số 03 là vết hằn lốp liên tục trên lề đường bên phải kích thước (780x26)cm, chiều hướng theo hướng chuẩn. Điểm đầu vết nằm cách điểm đầu vết hằn lốp (2) là 395cm, cách (A) 50cm, điểm cuối vết nằm trên mép mương thoát nước, cách (A) 157cm.

- Vị trí số 04 là vết dầu dạng văng, bắn vô định hình trên mặt đường màu đen, chiều hướng văng từ giữa đường vào (A), hơi chệch theo hướng chuẩn, kích thước (340x160) cm. Điểm đầu vết cách (A) là 202cm, cách điểm đầu vết hằn lốp (3) là 273cm, điểm cuối vết nằm trên (A), khoảng cách từ tâm vết đến điểm đầu vết (3) là 112cm.

- Vị trí số 05 là vùng mảnh vỡ gồm nhựa, kim loại, thủy tinh nằm rải rác theo chiều dài hiện trường trong diện (2435x655) cm. Tập trung nhiều ở phần giữa đường và phần đường, lề đường bên phải theo hướng chuẩn, điểm xa nhất của vết (về hướng đi **thị trấn K**) cách tâm bánh sau ngoài cùng bên trái xe ô tô số (1) là 3893cm.

- Vị trí số 06 là xe ô tô đầu kéo biển số 35C- 112.45 kéo theo sơ mi rơ mooc biển số 35R- 012.46 đang đỗ ở phần đường bên trái, đầu xe ngược với hướng chuẩn hơi chệch từ phải sang trái, đuôi xe chệch từ trái sang phải. **T3** bánh trước bên trái đầu kéo cách (A) 448cm, tâm bánh ngoài cùng bên trái hàng lốp thứ 3 đầu kéo cách (A) 480cm, tâm bánh ngoài cùng bên trái hàng lốp thứ ba của rơ mooc cách (A) 410cm, cách điểm đầu vết dầu (4) là 5430cm.

\* Khám nghiệm phương tiện:

- Khám nghiệm xe ô tô 36C - 321.37:

+ Mặt trước ngoài góc bên trái ba đèn sooc trước cách thành xe bên trái 25cm có vết tỳ trượt làm sòn nhựa, kích thước (36x25)cm, chiều hướng vết từ phải qua trái, từ trước về sau, chệch từ dưới lên trên. Bề mặt vết bám dính màu đen dạng cao su. Vết cao cách mặt đất 35-60cm làm bung bật ba đèn sóc trước khỏi xe.

+ Mặt trước ngoài bên trái đầu xe đến mặt trước ngoài bên trái thùng xe cách thành xe bên trái 13cm, có vết cà trượt làm mòn sơn màu xanh, cong vênh móp méo kim loại, kích thước (130 x 290)cm. Chiều hướng vết từ trước về sau, chệch từ phải qua trái, bề mặt vết bám dính chất màu ghi, dạng sơn, vết cao cách mặt đất (130-260)cm, làm cong vênh, móp méo đầu xe, vỡ kính chắn gió trước, gãy rời cánh cửa trước bên trái.

+ Má ngoài lớp trước bên trái và mặt ngoài lu răng tương ứng trên hàng chữ YOKOHAMA ở má lốp có vết tỳ trượt làm mòn cao su, kích thước (27x34)cm, chiều hướng vết từ ngoài vào tâm, ngược chiều chuyển động tiến, làm cong vênh cạnh lu răng theo chiều từ ngoài vào tâm, làm bánh trước dồn về phía sau, vỡ hộp dầu trợ lực bánh trước.

- Khám nghiệm xe ô tô đầu kéo biển số 35C - 112.45, kéo theo sơ mi rơ moóc 35R - 012.46

+ Má ngoài lớp ngoài hàng lớp thứ năm (tính từ đầu xe) bên trái có vết tỳ trượt làm mòn cao su, kích thước 28 x 18cm. Chiều hướng vết từ tâm ra ngoài, chệch ngược chiều hướng chuyển động tiến, bề mặt vết bám dính lớp màng màu đen dạng nhựa. Vị trí cao nhất của vết 88cm.

+ Ngoài cùng bên trái thùng xe cách đầu mút sau 165cm có vết cà trượt kích thước 165 x 130cm, chiều hướng vết từ trước về sau. Bề mặt vết bám dính chất màu xanh, dạng sơn, vết cao cách mặt đất 130 x 260cm.

+ Má ngoài lớp ngoài hàng lớp sau cùng (thứ sáu bên trái và cạnh la răng, tương ứng trên hàng số 12.00R20, có vết tỳ trượt làm mòn, rách cao su kích thước 29 x 15cm, chiều hướng vết từ ngoài vào tâm tương ứng với cạnh la răng bị cong vênh từ ngoài vào tâm.

Tại bản Kết luận giám định số 1841/KL-KTHS ngày 10/5/2024 của **phòng K Công an tỉnh T** kết luận :

1. Điểm va chạm đầu tiên giữa hai phương tiện: Má ngoài lớp ngoài hàng lớp thứ năm (tính từ đầu xe) bên trái xe ô tô đầu kéo biển số 35C- 112.45 kéo theo sơ mi rơ - moóc 35R - 012.46 (ảnh 5,6) với mặt trước ngoài góc bên trái ba đèn sóc trước cách thành xe bên trái 25cm, xe ô tô biển số 36C - 321.37 .

2. Tại thời điểm va chạm, hai phương tiện chuyển động ngược chiều nhau.

3. Vị trí va chạm giữa hai phương tiện nằm tương ứng tại vết dầu loang số (4) được thể hiện trong biên bản khám nghiệm hiện trường và sơ đồ hiện trường thuộc phần đường bên phải theo hướng **thị trấn K đi huyện N, tỉnh Ninh Bình**.

4. Không đủ cơ sở xác định tốc độ của hai phương tiện tại thời điểm xảy ra tai nạn.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 11/KL-HĐ ĐGTS ngày 03/6/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự **huyện T** kết luận:

- Giá trị thiệt hại của 01 xe ô tô đầu kéo biển số 35C- 112.45, nhãn hiệu CNHTC, màu sơn nâu, số máy: 181207017957, số khung: LSB0KA460073, xe cũ đã qua sử dụng kéo theo 01 sơ mi rơ môc biển số 35R-012.46, nhãn hiệu DOOSUNG số loại DV-DSKS, số khung: LXTZLYB07060 xe cũ đã qua sử dụng bị hư hỏng do tai nạn giao thông là 11.550.000đ (Mười một triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng)

- Giá trị thiệt hại của 01 xe ô tô biển số 36C - 321.37, nhãn hiệu HYUNDAI loại xe tải có mui, màu sơn xanh, số khung: T7HAJN001698, số máy: D4GAJJ250096, xe cũ đã qua sử dụng đều bị hư hỏng do tai nạn giao thông là 336.683.000 đồng (ba trăm ba mươi sáu triệu, sáu trăm tám mươi ba nghìn đồng)".

Tại bản Kết luận giám định số 3442/KL-KTHS ngày 10/7/2024 của **V1 - Bộ C**: Áp dụng phương pháp xác định tỉ lệ tổn thương cơ thể quy định tại Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của **Bộ Y**, xác định tổng tỉ lệ % tổn thương cơ thể của **Bùi Văn T** tại thời điểm giám định là 43% (Bốn mươi ba phần trăm).

Tại bản Kết luận giám định số 3448/KL-KTHS ngày 16/5/2024 của **V1 - Bộ CA**: Đối chiếu Bảng 1 – Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích ban hành kèm theo Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của **Bộ Y**, xác định tổng tỉ lệ % tổn thương cơ thể của **Lê Duy T1** tại thời điểm giám định là 0% (Không phần trăm).

Quá trình điều tra xác định, tại thời điểm xảy ra vụ tai nạn giao thông **Đinh Văn V** không sử dụng rượu, bia, chất ma túy hoặc chất kích thích khác.

Tại Cơ quan điều tra, **Đinh Văn V** đã thành khẩn khai báo về hành vi điều khiển xe ô tô đầu kéo biển số 35C- 112.45, kéo theo sơ mi rơ moóc biển số 35R-012.46 tham gia giao thông đường bộ và xảy ra va chạm như trên. Lời khai của bị can phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, phù hợp với kết quả khám nghiệm hiện trường, kết quả giám định phương tiện và các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập được trong hồ sơ vụ án. Đủ cơ sở để khẳng định hành vi của **Đinh Văn V** đã vi phạm vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 12 Luật giao thông đường bộ và Khoản 1, khoản 3, khoản 4, khoản 8, khoản 11 Điều 5 Thông tư 31/2019/TT-BGTVT ngày 29/8/2019 của **Bộ G** quy định về tốc độ và khoảng cách an toàn của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ.

## Điều 9. Luật giao thông đường bộ :Quy tắc chung

1. Người tham gia giao thông phải đi bên phải theo chiều đi của mình, đi đúng làn đường, phần đường quy định và phải chấp hành hệ thống báo hiệu đường bộ.

## Điều 12. Tốc độ xe và khoảng cách giữa các xe

1. Người lái xe, người điều khiển xe máy chuyên dùng phải tuân thủ quy định về tốc độ xe chạy trên đường và phải giữ một khoảng cách an toàn đối với xe chạy liền trước xe của mình; ở nơi có biển báo "Cự ly tối thiểu giữa hai xe" phải giữ khoảng cách không nhỏ hơn số ghi trên biển báo. (Thông tư 31/2019/TT-BGTVT).

## Điều 5. Các trường hợp phải giảm tốc độ

Người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ phải giảm tốc độ để có thể dừng lại một cách an toàn trong các trường hợp sau:

1. Có báo hiệu cảnh báo nguy hiểm hoặc có chướng ngại vật trên đường;
3. Qua nơi đường bộ giao nhau cùng mức; nơi đường bộ giao nhau cùng mức với đường sắt; đường vòng; đường có địa hình quanh co, đèo dốc; đoạn đường có mặt đường hẹp, không êm thuận;
4. Qua cầu, cống hẹp; đi qua đập tràn, đường ngầm, hầm chui; khi lên gần đỉnh dốc, khi xuống dốc;
8. Tránh xe chạy ngược chiều hoặc khi cho xe chạy sau vượt; khi có tín hiệu xin đường, tín hiệu khẩn cấp của xe đi phía trước;
11. Trời mưa; có sương mù, khói, bụi; mặt đường trơn trượt, lầy lội, có nhiều đất đá, vật liệu rơi vãi;

Quá trình điều tra xác định **Bùi Văn T** không có lỗi trong vụ tai nạn giao thông trên.

Trong quá trình giải quyết vụ án, **Đinh Văn V** và anh **Vũ Tiến D** (là chủ xe ô tô đầu kéo) đã tự nguyện bồi thường số tiền 170.000.000 đồng cho anh **Lê Duy T2** (là chủ chiếc xe ô tô 36C- 321.37) bị hư hỏng, bồi thường cho **Bùi Văn T** điều trị thương tích số tiền 80.000.000 đồng và bồi thường cho anh **Lê Duy T1** điều trị thương tích số tiền 5.000.000 đồng. Người bị hại, người có quyền lợi liên quan đã nhận đủ số tiền bồi thường, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm khoản nào khác và có đơn xin miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo **V**.

Sau khi làm rõ nguồn gốc phương tiện, các phương tiện không phải thuộc tang vật của vụ án nào khác. Cơ quan CSĐT đã ra quyết định trả các phương tiện, giấy tờ xe có liên quan cho chủ phương tiện, người đại diện theo quy định. Riêng đối với 01 thẻ nhớ Micro SDXC màu đen, dung lượng 64 GB thu giữ từ camera hành trình của xe ô tô đầu kéo biển số 35C - 112.45, kéo theo sơ mi rơ mooc biển số 35R - 012.46 và 01 (một) giấy phép lái xe hạng FC của **Đinh Văn V** tiếp tục tạm giữ để phục vụ cho quá trình giải quyết vụ án.

Đối với **Lê Duy T2** đã mua xe ô tô biển số 36C-321.37 của anh **Hoàng Văn T4** năm 2022 nhưng không làm thủ tục đăng ký sang tên xe theo quy định tại khoản 7 Điều 30 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 nên ngày 08/6/2024 Cơ quan CSĐT **Công an huyện T** đã đề nghị **Công an huyện T** ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với **Lê Duy T2** là phù hợp với quy định của pháp luật.

Tại bản cáo trạng số: 70/CT-VKSTT, ngày 28/8/2024, Viện Kiểm sát nhân dân (sau đây viết tắt là VKSND) **huyện T, tỉnh Thanh Hóa** đã truy tố **Đinh Văn V** về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 260 Bộ luật hình sự (sau đây viết tắt là BLHS).

Tại phiên tòa đại diện VKSND giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị áp dụng điểm d khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của BLHS, tuyên bố **Đinh Văn V** phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” và đề nghị xử phạt **Đinh Văn V** từ 15 (Mười lăm) tháng tù đến 18 (Mười tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 tháng đến 36 (Ba mươi sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 25/9/2024).

- Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã thỏa thuận bồi thường cho người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan toàn bộ thiệt hại. Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm, nên đại diện VKSND đề nghị không xem xét.

- Phần tranh luận: Bị cáo thành khẩn khai báo thừa nhận hành vi phạm tội như VKS truy tố. Trong lời nói sau cùng, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và đề nghị Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

- Bị hại không có tranh luận gì và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HĐXX**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận thấy:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra **Công an huyện T**, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa, **Đinh Văn V** thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời

khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, lời khai của người làm chứng, hiện trường nơi xảy ra tai nạn, kết luận giám định pháp y, như vậy có đủ cơ sở kết luận: **Đinh Văn V** đã điều khiển xe ô tô **đầu kéo biển số 35C - 112.45**, kéo theo sơ mi rơ mooc biển số 35R – 012.46 đi trái phần đường của mình và va chạm với xe với xe ô tô biển số 36C-321.37 do anh **Bùi Văn T** điều khiển, gây bị hư hỏng, giá trị thiệt hại là 336.683.000 đồng (ba trăm ba mươi sáu triệu, sáu trăm tám mươi ba nghìn đồng).

Như vậy hành vi của **Đinh Văn V** đã vi phạm khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 12 Luật giao thông đường bộ năm 2008 và Khoản 1, khoản 3, khoản 4, khoản 8, khoản 11 Điều 5 Thông tư 31/2019/TT-BGTVT ngày 29/8/2019 của **Bộ G** quy định về tốc độ và khoảng cách an toàn của xe cơ giới tham gia giao thông đường bộ. Đây là hành vi vi phạm quy tắc giao thông đường bộ, là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến va chạm giao thông gây thiệt hại về tài sản trị giá 336.683.000 đồng (ba trăm ba mươi sáu triệu, sáu trăm tám mươi ba nghìn đồng). Do đó, lỗi trong vụ tai nạn giao thông này hoàn toàn thuộc về bị cáo. Hành vi nêu trên của bị cáo đã có đủ cơ sở kết luận: **Đinh Văn V** phạm tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ", hành vi phạm tội của bị cáo đã vi phạm điểm d khoản 1 điều 260 Bộ luật hình sự.

[3]. Hành vi của bị cáo là nghiêm trọng, xâm phạm đến trật tự, an toàn trong hoạt động giao thông đường bộ, đồng thời xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo điều khiển xe chạy trên đoạn đường có cảnh báo nguy hiểm nhưng không giảm tốc độ và điều khiển xe ô tô đi lấn sang phần đường phía bên trái theo chiều di chuyển dành cho các phương tiện ngược chiều, dẫn tới va chạm vào xe ô tô của người khác. Hành vi của bị cáo là coi thường pháp luật, gây thiệt hại lớn về tài sản của người khác. Vì vậy, cần xét xử bị cáo một mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Tuy nhiên sau khi gây tai nạn giao thông bị cáo đã nhận thức được hành vi phạm tội của mình. HĐXX xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

[4]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng. Có 03 tình tiết giảm nhẹ là: Tự nguyện bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải, đây là 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 BLHS. Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đây là tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 BLHS. Từ những tình tiết giảm nhẹ trên, hội đồng xét xử xét thấy bị cáo **Đinh Văn V** có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng. Do đó không cần cách ly bị cáo

khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo được cải tạo tại địa phương cũng đủ để cải tạo bị cáo thành người công dân tốt có ích cho xã hội.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, **Đinh Văn V** và anh **Vũ Tiến D** (là chủ xe ô tô đầu kéo) đã tự nguyện bồi thường số tiền 170.000.000 đồng cho anh **Lê Duy T2** (là chủ chiếc xe ô tô 36C - 321.37) bị hư hỏng; bồi thường cho **Bùi Văn T** điều trị thương tích số tiền 80.000.000 đồng và bồi thường cho anh **Lê Duy T1** điều trị thương tích số tiền 5.000.000 đồng. Người bị hại, người có quyền lợi liên quan đã nhận đủ số tiền bồi thường, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm khoản nào khác và có đơn xin miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo **V** nên HĐXX không xem xét.

[6]. Sau khi làm rõ nguồn gốc phương tiện, các phương tiện không phải thuộc tang vật của vụ án nào khác. Cơ quan CSĐT đã ra quyết định trả các phương tiện, giấy tờ xe có liên quan cho chủ phương tiện, là đúng quy định.

[7]. Đối với việc anh **Lê Duy T2** đã mua xe ô tô biển số 36C-321.37 của anh **Hoàng Văn T4** năm 2022 nhưng không làm thủ tục đăng ký sang tên xe theo quy định tại khoản 7 Điều 30 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/201, ngày 08/6/2024 Cơ quan CSĐT **Công an huyện T** đã đề nghị **Công an huyện T** ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với **Lê Duy T2** là phù hợp với quy định của pháp luật.

[8]. Đối với 01 thẻ nhớ Micro SDXC màu đen, dung lượng 64 GB thu giữ từ camera hành trình của xe ô tô đầu kéo biển số 35C - 112.45, kéo theo sơ mi rơ mooc biển số 35R - 012.46 là vật chứng minh tội phạm nên cần lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

[9]. Đối với 01 (một) giấy phép lái xe hạng FC của **Đinh Văn V**, HĐXX thấy không cần cấm **Đinh Văn V** hành nghề lái xe, vì vậy trả lại cho **Đinh Văn V** giấy phép lái xe sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là phù hợp.

[10]. Về án phí: Bị cáo **Đinh Văn V** phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo **Đinh Văn V** phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

Áp dụng: Điểm d khoản 1 Điều 260; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51;; Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: **Đinh Văn V** 15 (Mười lăm) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 (Ba mươi) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 25/9/2024).

Giao bị cáo **Đinh Văn V** cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện N, tỉnh Ninh Bình giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Nếu trong thời gian thử thách mà bị cáo thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo điều 92 luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 BLHS.

- Về án phí: Áp dụng: Điều 136 BLTTHS; khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo **Đinh Văn V** phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo và bị hại; vắng mặt Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và bị đơn dân sự. Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Bị đơn dân sự có quyền kháng cáo phần liên quan đến quyền lợi của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

**Nơi nhận:**

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Bị đơn dân sự;
- Người có *QLNVLQ*;
- VKSND huyện Thạch Thành;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Công an huyện Thạch Thành;
- Chi cục *THADS* huyện Thạch Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Bùi Văn Tuấn**



